TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH P
Bản án số:03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 3 năm 2024
V/v:*"Ly hôn, nuôi con chung"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thìn và ông Hà Đức Trưởng.
Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hải Long –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên toà: Ông Hà Trọng Thực - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:05/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị Th**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu Kết, xã L, huyện T, tỉnh P (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Phùng Văn Đ**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Khu Kết, xã L, huyện T, tỉnh P (vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn:*Ông Lã Thành Công - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn: Ông Bùi Đức Dũng- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Lò Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 10/10/2018, chị Lò Thị Th với anh Phùng Văn Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh Đ chơi bời, cờ bạc, rượu chè mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng nhưng không thể hàn gắn.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị xin được ly hôn anh Phùng Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Phùng Quang Anh, sinh ngày 24/12/2018. Khi ly hôn chị nhận nuôi cháu Anh, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía Bị đơn anh Phùng Văn Đ vắng mặt: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án cùng với đại diện UBND xã đến nhà bà Hà Thị Khởi là Mẹ đẻ của anh Phùng Văn Đ để tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, tài sản, công nợ và công sức giữa chị Th với anh Đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2024 bà Hà Thị Khởi cho biết:

Về hôn nhân: Con trai bà là Phùng Văn Đ cùng chị Lò Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh Đ, chị Th về sinh sống cùng gia đình bà tại khu Kết, xã L, huyện T, tỉnh P. Đến ngày 02/5/2023 chị Th bỏ đi từ đó đến nay vợ chồng anh Đ; chị Th không còn chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Phùng Quang Anh, sinh ngày 24/12/2018. Hiện cháu đang ở cùng chị Th, khi ly hôn đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Bà Khởi không có ý kiến gì về tài sản, công nợ và công sức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị Th; anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th; anh Đ là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

Về con chung: Áp dụng khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Hiện cháu Phùng Quang Anh còn nhỏ cần được chăm sóc nuôi dưỡng của người Mẹ hơn nữa anh Đ thường xuyên không có mặt ở nhà nên giao cháu Anh cho chị Th nuôi dưỡng là

phù hợp.

Đối với tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Do nguyên đơn không yêu cầu và Bị đơn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí dân sự: Chị Th được miễn án phí ly hôn theo quy định.

Quan điểm người bảo vệ quyền lợi cho phía Nguyên đơn và phía Bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay Nguyên đơn; Bị đơn đều vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Về hôn nhân: Việc chị Th, anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nên. Thấy rằng chị Th, anh Đ là không còn khả năng duy trì hạnh phúc mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị Th với anh Đ.

Về con chung: Chị Th, anh Đ có một con chung cháu Phùng Quang Anh, sinh ngày 24/12/2018. Hiện cháu còn nhỏ và đang ở cùng chị Th, nên khi ly hôn giao cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản; công nợ và công sức: Không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiên phát biểu của Kiểm sát viên; Trợ giúp viên bảo vệ cho Nguyên đơn và Bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Lò Thị Th có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn Đ, căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

[2]. Về việc vắng mặt Bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Phía Bị đơn anh Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th; anh Đ trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Năm 2018 hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án đã làm rõ hiện vợ chồng anh, chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th;

anh Đ đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị Th với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Th; anh Đ có một con chung Phùng Quang Anh, sinh ngày 24/12/2018. Khi ly hôn cháu Anh còn nhỏ cần được chăm sóc nuôi dưỡng của người Mẹ hơn nữa anh Đ thường xuyên không có mặt ở nhà nên giao cháu Anh cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng tiền nuôi con; tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Đ vắng mặt nên chưa có yêu cầu về những vấn đề này.Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Sau này chị Th; anh Đ có yêu cầu thì anh; chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Th được miễn án phí theo quy định.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên, là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57; khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị Th được ly hôn anh Phùng Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Lò Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phùng Quang Anh, sinh ngày 24/12/2018 kể từ tháng 3 năm 2024 đến khi thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị Th không yêu cầu và anh Đ vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lò Thị Th là người Dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn nên không phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1

của Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quyền kháng cáo: Chị Th; anh Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí